

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0101272578

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 06 năm 2002

Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 03 tháng 10 năm 2019

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THƯƠNG THIÊN
HOÀNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MIKADO TECHNOLOGY AND TRADING
JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MIKADO J.S.C

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tầng 6, tòa nhà Diamond Flower Tower, đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 37556888/ 37153888

Fax: 3627388

Email: mikado@fpt.vn

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần: 3.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: PHẠM BÁCH TÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 06/01/1972

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034072006913

Ngày cấp: 22/06/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về
dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 2B T/T Lấp Ghép 2 Thành Công, Phường Thành
Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 2B T/T Lấp Ghép 2 Thành Công, Phường Thành Công, Quận Ba
Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Hải Hùng

Số:129 /QĐ-BQLKKT

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**

(Cấp lần đầu: Ngày 27 tháng 10 năm 2015)

(Điều chỉnh lần thứ nhất: Ngày 03 tháng 9 năm 2025)

**BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
TỈNH THÁI BÌNH**

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính): số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021;

Căn cứ Quyết định số 1905/QĐ-TTg ngày 29/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (cũ) quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 2557/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (cũ) về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất gạch Pôcelaine công suất 3 triệu m²/năm tại Khu công nghiệp Tiền Hải, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình của Công ty Cổ phần kỹ thương Thiên Hoàng;

Căn cứ Văn bản số 473/UBND-NC ngày 29/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý khu công nghiệp tỉnh;

Căn cứ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty Cổ phần kỹ thương Thiên Hoàng nộp ngày 19/8/2025; hồ sơ bổ sung nộp ngày 29/8/2025;

Theo đề nghị của Phòng Kế hoạch, Đầu tư tại Báo cáo số 105/BC-KHĐT ngày 03/9/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất gạch Pôcelaine công suất 3 triệu m²/năm tại Khu công nghiệp Tiên Hải, xã Đồng Châu, tỉnh Hưng Yên của Công ty Cổ phần kỹ thuật Thiên Hoàng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (cũ) phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2557/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 với nội dung điều chỉnh như sau:

1. Nội dung điều chỉnh thứ nhất:

Thông tin Nhà đầu tư quy định tại Điều 1 Quyết định số 2557/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 được điều chỉnh như sau:

“Chấp thuận nhà đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT THIÊN HOÀNG

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101272578 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 28/6/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 03/10/2019.

Trụ sở chính: Tầng 6, toà nhà Diamond Flower Tower, đường Lê Văn Lương, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: Họ tên: Phạm Bách Tùng; Giới tính: Nam; Chức danh: Tổng Giám đốc; Sinh ngày: 06/01/1972; Quốc tịch: Việt Nam; Thẻ căn cước công dân số 034072006913; Ngày cấp: 22/06/2018; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ thường trú: Số 2B T/T Lấp Ghép 2 Thành Công, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội, Việt Nam; Chỗ ở hiện tại: Số 2B T/T Lấp Ghép 2 Thành Công, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội, Việt Nam.”

2. Nội dung điều chỉnh thứ hai:

Tên dự án đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 2557/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 được điều chỉnh như sau:

“1. Tên dự án đầu tư: DỰ ÁN ĐẦU TƯ MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT GẠCH PORCELAINE, CÔNG SUẤT 9,0 TRIỆU M²/NĂM.”

3. Nội dung điều chỉnh thứ ba:

Quy mô dự án quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 2557/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 được điều chỉnh như sau:

“3. Quy mô dự án:

- Công suất thiết kế: 9.000.000 m²/năm. Trong đó:

+ Gạch kích thước 400mm x 800mm: 4.500.000 m²/năm;

+ Gạch kích thước 800mm x 1.600mm: 4.500.000 m²/năm.

- Quy mô kiến trúc xây dựng: 05 Nhà xưởng; 02 Kho nguyên liệu; Nhà xuất hàng; Nhà nghiền men + Xưởng cơ điện và các công trình phụ trợ: Trạm biến áp, Khu xử lý nước thải sản xuất, Khu chứa nước và PCCC, Nhà để máy phát điện và máy nén khí, Nhà vệ sinh công nhân, Bể xử lý nước công nghệ”

4. Nội dung điều chỉnh thứ tư:

Tổng vốn đầu tư của dự án quy định tại khoản 6 Điều 1 Quyết định số 2557/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 được điều chỉnh như sau:

“6. Tổng vốn đầu tư, nguồn vốn đầu tư:

- Tổng vốn đầu tư: 1.407.729.338.000 đồng (*Một nghìn bốn trăm linh bảy tỷ, bảy trăm hai mươi chín triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn đồng Việt Nam*), trong đó:

+ Vốn đầu tư dự án hiện có (đã được phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 2557/QĐ-UBND ngày 27/10/2015): 633.965.729.000 đồng.

+ Vốn đầu tư bổ sung: 773.763.609.000 đồng.

- Nguồn vốn đầu tư:

+ Vốn góp: 279.726.814.000 đồng. Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			
1	Công ty Cổ phần kỹ thuật Thiên Hoàng	279.726.814.000		100	Tiền mặt	Theo tiến độ tại mục 8.1
	Tổng	279.726.814.000		100		

+ Vốn huy động: 1.128.002.524.000 đồng, trong đó: Vốn huy động của dự án hiện có: 496.000.000.000 đồng; Vốn huy động bổ sung: 632.002.524.000 đồng.”

5. Nội dung điều chỉnh thứ năm:

Tiến độ thực hiện dự án quy định tại khoản 8 Điều 1 Quyết định số 2557/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 được điều chỉnh như sau:

“8. Tiến độ thực hiện dự án:

8.1. Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Đối với phần dự án hiện có (đã được phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 2557/QĐ-UBND ngày 27/10/2015): Đã hoàn thành góp vốn (137.965.729.000 đồng) và huy động vốn (496.000.000.000 đồng) tháng 02/2018.

- Đối với phần dự án mở rộng:

+ Vốn góp (141.761.085.000 đồng): Hoàn thành góp vốn sau 03 tháng kể từ ngày ký Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư.

+ Vốn vay ngân hàng (632.002.524.000 đồng): Theo tiến độ thực hiện dự án.

8.2. Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành:

- Đối với dự án hiện có (đã được phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 2557/QĐ-UBND ngày 27/10/2015): Đi vào hoạt động sản xuất từ tháng 02/2018.

- Đối với phần dự án mở rộng: Kể từ ngày ký Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư, tiến độ thực hiện dự án như sau:

+ Hoàn thành các thủ tục xây dựng, môi trường, phòng cháy chữa cháy,...: Từ tháng thứ 1 đến tháng thứ 3;

+ Sắp xếp lại kho, thi công các móng máy và tiến hành lắp đặt máy móc thiết bị: Từ tháng thứ 3 đến tháng thứ 10;

+ Vận hành chạy thử, hiệu chỉnh máy móc, thiết bị: Tháng thứ 11;

+ Đưa toàn bộ Dự án mở rộng đi vào hoạt động chính thức: Từ tháng thứ 12 trở đi.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan:

- Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan phối hợp với Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện dự án đầu tư theo đúng quy định của pháp luật; thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư theo chức năng, nhiệm vụ của ngành, địa phương, đơn vị.

- Phòng Kế hoạch, Đầu tư thuộc Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Nhà đầu tư:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ đề xuất dự án đầu tư và các văn bản có liên quan gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Thực hiện đúng các nội dung quy định tại Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư và các nội dung đã cam kết trong hồ sơ đề xuất dự án đầu tư; tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, quy hoạch, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, lao động, phòng cháy chữa cháy, bảo đảm an ninh trật tự và các quy định của pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện dự

án đầu tư; thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện dự án đầu tư theo quy định; chịu sự giám sát, đánh giá việc thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Quyết định số 2557/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (cũ).

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần kỹ thương Thiên Hoàng; Trưởng các phòng, đơn vị thuộc Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được cấp cho Công ty Cổ phần kỹ thương Thiên Hoàng và 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các sở, ngành: Công Thương, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường;
- Thuế tỉnh Hưng Yên;
- Lãnh đạo Ban;
- Các phòng, đơn vị thuộc Ban;
- Lưu: VT, KHĐT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Đỗ Văn Lân

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNHCỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 95 /GPMT-UBND

Thái Bình, ngày 24 tháng 10 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Kỹ thương Thiên Hoàng tại Văn bản số 39/CV ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc/giải trình, chỉnh sửa bổ sung một số nội dung trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Nhà máy gạch Pôcelain công suất 3 triệu m²/năm và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 443/TTr-STNMT ngày 16 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Kỹ thương Thiên Hoàng (địa chỉ trụ sở chính: Tầng 6, tòa nhà Diamond Flower Tower, đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy gạch Pôcelain công suất 3 triệu m²/năm với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy gạch Pôcelain công suất 3 triệu m²/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô G1, Khu công nghiệp Tiền Hải, xã Đông Lâm, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4714240288 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Bình (nay là Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh Thái Bình) cấp, chứng nhận lần đầu ngày 28/10/2015.

1.4. Mã số thuế: 0101272578.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất gạch Pôcelain.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Tổng diện tích của cơ sở: 66.646,8 m² (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 816098 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình cấp ngày 11/4/2018, số vào sổ cấp GCN: "CS" 03452).

- Công suất thiết kế của cơ sở: 3.000.000 m²/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47, Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Kỹ thương Thiên Hoàng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày cấp Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Tiền Hải tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. *ru*

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND huyện Tiền Hải;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- UBND xã Đông Lâm;
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Thiên Hoàng;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT.

Tung

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lại Văn Hoàn

Phụ lục 1
 NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
 VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 95 /GPMT-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nước thải sinh hoạt của cơ sở được thu gom cùng với nước thải sinh hoạt của Nhà máy gạch men Mikado công suất 6 triệu m² gạch/năm (sau đây gọi tắt là Nhà máy Mikado), xử lý tại 01 công trình xử lý nước thải sinh hoạt công suất 60 m³/ngày đêm.

- Nước thải sản xuất của cơ sở được thu gom cùng với nước thải sản xuất của Nhà máy Mikado và nước thải sinh hoạt sau xử lý, xử lý tại 01 công trình xử lý nước thải sản xuất công suất 800 m³/ngày đêm.

Toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất sau xử lý được tuần hoàn tái sử dụng 100% cho sản xuất, không xả thải ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của cơ sở phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh (được xử lý sơ bộ bằng 01 bể tự hoại dung tích 7,47 m³) với lưu lượng 7,8 m³/ngày đêm và nước thải sinh hoạt của Nhà máy Mikado phát sinh với lưu lượng 20 m³/ngày đêm được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 60 m³/ngày đêm của cơ sở sau đó thu gom vào bể gom nước thải sản xuất thu gom về hệ thống xử lý nước thải sản xuất để tiếp tục xử lý.

- Nước thải sản xuất của cơ sở bao gồm nước thải từ công đoạn tráng men; nghiền men; mài ướt; vệ sinh nhà xưởng, thiết bị khu vực nghiền men; rửa chân tay của công nhân sau ca sản xuất phát sinh với lưu lượng 56,7 m³/ngày đêm và nước thải sản xuất của Nhà máy Mikado phát sinh với lưu lượng 99,8 m³/ngày đêm được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 800 m³/ngày đêm của cơ sở. Nước thải sau xử lý được tuần hoàn tái sử dụng 100% cho sản xuất tại cơ sở và cho sản xuất tại Nhà máy Mikado, không xả thải ra môi trường.

- Tọa độ vị trí điểm đầu nối nước thải sinh hoạt từ Nhà máy Mikado vào hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt của cơ sở: X(m) = 2255637; Y(m) = 607142 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°).

- Tọa độ vị trí điểm đầu nối nước thải sản xuất từ Nhà máy Mikado vào hệ thống thu gom nước thải sản xuất của cơ sở: X(m) = 2255636; Y(m) = 607040 (hệ tọa độ VN

2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, mũi chiếu 3°).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất $60 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt $\rightarrow$ Bể điều hòa $\rightarrow$ Bể khuấy trộn (thiếu khí) $\rightarrow$ Bể sinh học SBR $\rightarrow$ Bể lắng và hấp phụ $\rightarrow$ Bể khử trùng $\rightarrow$ Bể gom nước thải sản xuất, bơm về hệ thống xử lý nước thải sản xuất để tiếp tục xử lý cùng nước thải sản xuất.

+ Công suất thiết kế: $60 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

+ Hóa chất sử dụng: Javel (khử trùng).

- Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất $800 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt sau xử lý $\rightarrow$ Pha trộn chất trợ lắng $\rightarrow$ Bể lắng $\rightarrow$ Bể chứa $\rightarrow$ Bơm tuần hoàn tái sử dụng 100% cho sản xuất, không xả thải ra môi trường.

+ Công suất thiết kế: $800 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

+ Hóa chất sử dụng: Bột PAC (chất trợ lắng).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, bảo trì đường ống thu gom, rãnh thu gom và các hệ thống xử lý nước thải.

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, hệ thống xử lý nước thải sản xuất.

- Giám sát các hệ thống xử lý nước thải thường xuyên để kịp thời phát hiện sự cố có thể xảy ra.

- Trường hợp sự cố hỏng hóc các thiết bị dẫn đến dừng hoạt động của hệ thống xử lý, sự cố vỡ đường ống, bể chứa, hiệu quả xử lý các công đoạn không đạt yêu cầu:

+ Đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: Thu gom toàn bộ nước thải chưa qua xử lý vào Bể sự cố (chia thành 2 ngăn) có dung tích chứa $92,3 \text{ m}^3$ lưu chứa nước thải trong vòng khoảng 62 giờ hoặc nước thải lưu chứa tại các hố bơm và bể trung chuyển trong quá trình khắc phục sự cố.

+ Đối với hệ thống xử lý nước thải sản xuất: Thu gom, lưu chứa nước thải tại các hố, bể lắng tại cơ sở và Nhà máy Mikado trong quá trình khắc phục sự cố.

Nếu quá khả năng lưu chứa mà vẫn chưa khắc phục được sự cố, tạm dừng các hoạt động sản xuất phát sinh nước thải để khắc phục, sửa chữa.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

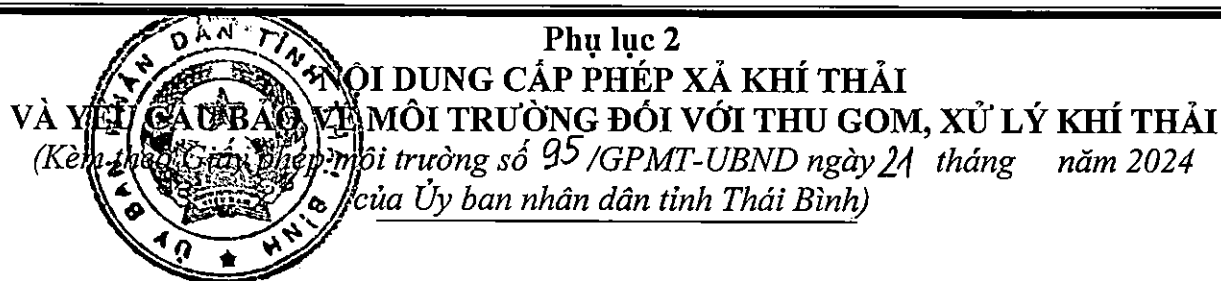
3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở và Nhà máy Mikado, tuần hoàn tái sử dụng 100% cho sản xuất, không xả thải ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc nước thải sau xử lý được tuần hoàn tái sử dụng 100% cho sản xuất, không xả thải ra môi trường. Việc tuần hoàn tái sử dụng nước thải sau xử lý phải bảo đảm đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật đối với nước dùng cho sản xuất gạch men Ceramic, gạch Pôcelain.

THAI
01



A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ khu vực nạp liệu đầu vào.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ lò nung men.
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ lò sấy mộc.
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ lò sấy phun.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống xả khí thải từ thiết bị lọc bụi tay áo của khu vực nạp liệu đầu vào, tọa độ vị trí xả thải: $X = 2255403$; $Y = 606917$.
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống khói xả khí thải từ lò nung men, tọa độ vị trí xả thải: $X = 2255546$; $Y = 606935$.
- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với ống khói xả khí thải từ lò sấy mộc, tọa độ vị trí xả thải: $X = 2256275.090$; $Y = 606928$.
- Dòng khí thải số 04: Tương ứng với ống khói xả khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý bụi, khí thải lò sấy phun, tọa độ vị trí xả thải: $X = 2255588$; $Y = 606925$.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi giờ 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Đối với dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải $26.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Đối với dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải $54.526 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Đối với dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải $35.294 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Đối với dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải $118.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

Tổng lưu lượng xả khí thải lớn nhất là $233.820 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống khói, ống xả khí thải, xả liên tục theo các thời điểm sản xuất trong ngày.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, giá trị $C_{\max}$ (áp dụng $K_p =$

0,8; $K_v = 1,0$), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng khí thải số 01				Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	160	3 tháng/lần	
	Lưu lượng	m ³ /giờ	-		
II	Dòng khí thải số: 02, 03, 04				
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	160	3 tháng/lần	
2	CO	mg/Nm ³	800		
3	SO ₂	mg/Nm ³	400		
4	NO _x	mg/Nm ³	680		
5	Lưu lượng	m ³ /giờ	-		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Được thu gom vào ống dẫn khí dẫn về hệ thống xử lý bụi của khu vực nạp liệu để xử lý trước khi xả ra môi trường.

- Nguồn số 02: Được thu gom vào ống khói của lò nung men để xả ra môi trường.

- Nguồn số 03: Được thu gom vào ống khói của lò sấy mộc để xả ra môi trường.

- Nguồn số 04: Được thu gom vào ống dẫn khí dẫn về hệ thống xử lý khí thải của lò sấy phun để xử lý trước khi xả ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý bụi, khí thải số 01 (xử lý bụi, khí thải phát sinh tương ứng của nguồn số 01):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải khu vực nạp liệu đầu vào → Thiết bị lọc bụi tay áo → Quạt hút → Ống xả khí thải → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 26.000 m³/giờ (tương ứng dòng thải khí số 01).

1.2.2. Hệ thống xử lý bụi, khí thải số 02 (xử lý bụi phát sinh tương ứng của nguồn số 02):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải lò nung men → Một phần khí thải tận

dụng cho lò sấy mộc; một phần xả thải ra môi trường qua ống khói xả khí thải của lò nung men.

- Công suất thiết kế: $54.526 \text{ m}^3/\text{giờ}$ (tương ứng dòng thải khí số 02).

1.2.3. Hệ thống xử lý bụi, khí thải số 03 (xử lý bụi phát sinh tương ứng của nguồn số 03):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải lò nung men tận dụng cho sấy mộc → Lò sấy mộc → Ống khói lò sấy mộc → Môi trường.

- Công suất thiết kế: $35.294 \text{ m}^3/\text{giờ}$ (tương ứng dòng thải khí số 03).

1.2.4. Hệ thống xử lý bụi, khí thải số 04 (xử lý bụi, khí thải phát sinh tương ứng của nguồn số 04):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải tháp sấy phun → Cyclone lọc bụi tháp sấy phun (tổ hợp 04 Cyclone đơn) → Quạt hút → Ống khói lò sấy phun → Môi trường.

- Công suất thiết kế: $118.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ (tương ứng dòng thải khí số 04).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, giám sát hoạt động của các thiết bị: Đường ống dẫn khí, quạt hút đẩy khí, thiết bị xử lý bụi, khí thải, ống khói, ống xả khí thải.

- Lắp đặt thiết bị báo cháy và chữa cháy tự động; trang bị các dụng cụ chữa cháy, bình dập lửa bằng khí CO_2 .

- Khi xảy ra sự cố: Dừng các công đoạn sản xuất có phát sinh bụi, khí thải để sửa chữa, khắc phục hệ thống, đảm bảo chất lượng khí thải đầu ra đạt quy chuẩn quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

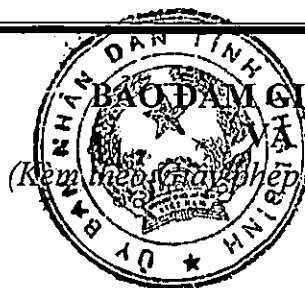
Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 95 /GPMT-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực nhà xưởng sản xuất.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực Trạm xử lý nước thải sinh hoạt.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực Trạm xử lý nước thải sản xuất.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Khu vực nhà xưởng sản xuất ứng với nguồn số 01 được giới hạn bởi tọa độ:
Điểm góc phía Tây Bắc: X = 2255904; Y = 606894.
Điểm góc phía Đông Bắc: X = 2255908; Y = 607007.
Điểm góc phía Đông Nam: X = 2255658; Y = 607019.
Điểm góc phía Tây Nam: X = 2255645; Y = 606904.
- Khu vực Trạm xử lý nước thải sinh hoạt ứng với nguồn số 02 được giới hạn bởi tọa độ:
Điểm góc phía Tây Bắc: X = 2255371; Y = 607143.
Điểm góc phía Đông Bắc: X = 2255371; Y = 607147.
Điểm góc phía Đông Nam: X = 2255367; Y = 607147.
Điểm góc phía Tây Nam: X = 2255367; Y = 607143.
- Khu vực Trạm xử lý nước thải sản xuất ứng với nguồn số 03 được giới hạn bởi tọa độ:
Điểm góc phía Tây Bắc: X = 2255460; Y = 607049.
Điểm góc phía Đông Bắc: X = 2255460; Y = 607063.
Điểm góc phía Đông Nam: X = 2255436; Y = 607075.
Điểm góc phía Tây Nam: X = 2255431; Y = 607051.
(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3⁰).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT; cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực

				thông thường
--	--	--	--	--------------

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Nhà xưởng sản xuất được thiết kế thông thoáng để thông gió tự nhiên đồng thời giảm thiểu lan truyền tiếng ồn ra khu vực xung quanh.
- Lắp các thiết bị theo đúng yêu cầu kỹ thuật để giảm ồn, đặc biệt với các thiết bị gây ồn lớn được lắp đặt chân đế, bệ máy và lắp đặt các đệm chống ồn, rung cho thiết bị.
- Kiểm tra định kỳ các thiết bị, hệ thống bằng cách bảo dưỡng, bôi trơn.
- Lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn.
- Đối với công nhân làm việc tại các vị trí phát sinh tiếng ồn lớn được đảm bảo đầy đủ điều kiện về nước uống, chế độ dinh dưỡng bữa ăn, trang bị bảo hộ lao động, chế độ lao động và đảm bảo thời gian làm việc của mỗi lao động tối đa 8 giờ/ngày.
- Trồng cây xanh khu vực nhà máy.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

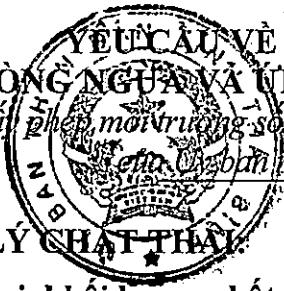
2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 04

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 95 /GPMT-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)



A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau có dính thành phần nguy hại	91,3
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	6
3	Dầu mỡ lau máy, bôi trơn thải	80
	Tổng khối lượng	177,3

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Đất đá loại từ quá trình lọc nguyên liệu	1.200
2	Sản phẩm không đạt yêu cầu hoặc bị vỡ	332.250
3	Gạch mộc vỡ, nguyên liệu rơi vãi	1.993.500
4	Bùn đất từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải sản xuất	3.323
5	Thùng carton	1.500
6	Palet thải	2.000
	Tổng khối lượng	2.333.773

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	5,11
	Tổng khối lượng	5,11

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, bao bì chuyên dụng.

- Kho lưu giữ chất thải nguy hại: Diện tích 57 m²; thiết kế, cấu tạo: Tường xây gạch, mái bằng, nền cứng hóa bê tông (kho lưu giữ chất thải nguy hại chung của cơ sở và Nhà máy Mikado).

Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Đối với nguyên liệu rơi vãi; gạch mộc vỡ; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sản xuất (qua máy ép khung bản thành bùn khô) được tận dụng tái sản xuất: Thu gom, lưu giữ chung với Nhà máy Mikado tại kho lưu giữ phế liệu tái chế diện tích 300 m²; thiết kế, cấu tạo: Tường xây gạch, mái lợp tôn, nền cứng hóa bê tông; được bố trí trong kho nguyên liệu số 01 (gần khu vực nghiền xương) đặt tại Nhà máy Mikado.

- Đối với Palet thải: Lưu giữ tại kho thành phẩm bên trong nhà xưởng sản xuất.

- Đối với các loại chất thải khác: Thu gom, lưu giữ chung với Nhà máy Mikado tại khu lưu giữ tập trung chất thải rắn sản xuất thông thường diện tích 200 m²; thiết kế, cấu tạo: Tường xây gạch, mái lợp tôn, nền cứng hóa bê tông; vị trí phía sau kho nguyên liệu số 01 phía giáp tường rào (gần kho lưu giữ phế liệu tái chế) đặt tại Nhà máy gạch men Mikado.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: 03 thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy dung tích 120 lít/thùng; 01 xe thùng đẩy chuyên dụng dung tích 1 m³.

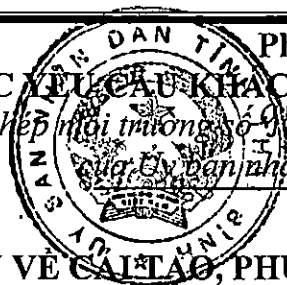
2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại Điểm b, Khoản 6, Điều 124, Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2, Điều 108, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



Phụ lục 05

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 05/GPMT-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

3. Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường đến cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định.

4. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật./.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đông Lâm, Ngày 11 tháng 08 năm 2011

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ THU GOM RÁC

SỐ: 11/HĐ-DV

Căn cứ quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của UBND Xã Đông Lâm về việc phê duyệt Quy chế quản lý hoạt động của các tổ thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Xã Đông Lâm;

Hôm nay, ngày 11 tháng 08 năm 2011, tại Trụ sở UBND xã Đông Lâm, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình. Chúng tôi gồm có:

BÊN THUÊ DỊCH VỤ THU GOM CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT (gọi tắt là Bên A):

Tên doanh nghiệp: CN CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THƯƠNG THIÊN HOÀNG- NHÀ MÁY GẠCH MEN MIKADO

Người đại diện là Ông (Bà) : PHẠM BÁCH TÙNG

Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ: Thôn Thanh Tây, xã Đông Lâm, Tiên Hải, Thái Bình.

- Điện thoại: 02273 781 998

- Số tài khoản: 4711 00000 14466 Tại ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình

- Tổng số nhân công: người

BÊN THỰC HIỆN DỊCH VỤ THU GOM RÁC (gọi tắt là Bên B):

- Tên đơn vị: **Đội thu gom chất thải rắn sinh hoạt xã Đông Lâm**

- Địa chỉ trụ sở : Xã Đông Lâm, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình

- Tên người đại diện: Ông: PHẠM VĂN HƯƠNG - Chức vụ : Tổ Trưởng

- Số CMND/CCCD: 034077002048 cấp ngày 11/8/2015 Nơi cấp: Cục cảnh sát

- Địa chỉ: Thôn Nho Lâm Tây, xã Đông Lâm, Tiên Hải, Thái Bình

- Điện thoại: 0383.353.335 Fax

- Số tài khoản: 0211000260232 Tại Ngân hàng Vietcom bank

Thỏa thuận ký hợp đồng với các nội dung cụ thể sau:

Điều 1.- Bên A thuê Bên B hàng ngày thực hiện thu gom chất thải rắn sinh hoạt với các yêu cầu cụ thể như sau:

1. Thu gom rác tại: CN công ty cổ phần kỹ thương Thiên Hoàng - Nhà máy gạch men MIKADO.

2. Thời gian thực hiện: Thu gom 02 ngày một lần. Từ 08... giờ đến 09... giờ. (không trái với thời gian quy định của Quy chế quản lý)

Điều 2.- Quyền và nghĩa vụ của các bên A.

1. Bên A có nghĩa vụ gom rác thải sinh hoạt bỏ vào bao nylon cột kín miệng hoặc những thùng rác có nắp đậy rác.

2. Không để lẫn các loại rác y tế, rác thải nguy hại với rác sinh hoạt.

3. Bên A có nghĩa vụ phải giao rác trực tiếp cho người thu gom hoặc đặt vào vị trí thỏa thuận nhưng phải đảm bảo không làm mất mỹ quan. Tuyệt đối không được đặt các túi rác ra lòng lề đường giao thông.



4. Bên A có quyền kiểm tra, giám sát trực tiếp các hoạt động của bên B.
5. Ủy ban nhân dân xã Đông Lâm sẽ là đơn vị cùng bên A thực hiện quyền được kiểm tra, giám sát các hoạt động cung ứng dịch vụ.
6. Trả phí dịch vụ thu gom rác theo thỏa thuận trong hợp đồng này.

Điều 3.- Quyền và nghĩa vụ của các bên B.

1. Các quyền và nghĩa vụ của bên B được quy định cụ thể tại Quy chế quản lý hoạt động thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Xã Đông Lâm do UBND xã ban hành tại quyết định số ngày/....../.....
2. Bố trí người đến nhận rác do bên A giao đúng thời gian thỏa thuận.
3. Nhận phí dịch vụ theo hợp đồng ký kết.

Điều 4.- Phí dịch vụ và phương thức thanh toán.

1. Bên A thanh toán cho Bên B tiền phí thu gom vận chuyển xử lý rác thải sinh hoạt 550.000 đồng/tháng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng trên một tháng) vào ngày cuối của tháng.
2. Phương thức thanh toán là tiền mặt (Việt Nam đồng).
3. Các Tổ chức cung ứng dịch vụ phải lập danh sách thu tiền (Có chữ ký nộp của người đại diện DN).

Điều 5.- Hiệu lực của hợp đồng.

1. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 01/08/2022.
2. Hai bên sẽ thỏa thuận lại hợp đồng khi có vấn đề phát sinh.
3. Hợp đồng được thành lập thành 02 bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 1 bản. Gửi cho cơ quan bản (nếu có).



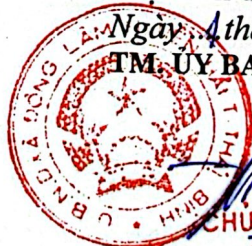
GIÁM ĐỐC
Phạm Bách Hùng

ĐẠI DIỆN BÊN B

Phạm Văn Hương

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ ĐÔNG LÂM

Xác nhận: Ông Phạm Văn Hương là tổ trưởng đại diện đội thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn xã Đông Lâm. Được UBND xã Đông Lâm thành lập, đã ký hợp đồng và cam kết chịu trách nhiệm thu gom xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn xã Đông Lâm./.



Ngày 4 tháng 8 năm 2022
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

CHỦ TỊCH
Phạm Trọng Uy

TỈNH/THÀNH PHỐ
TỈNH THÁI BÌNH

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 52.1/2025- MIKADO/456/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty CP Đầu tư và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường ETC Số GPMT/Mã số QLCTNH: 456/GPMT-BTNMT
Địa chỉ văn phòng: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định ĐT: 02286.288.288
Địa chỉ cơ sở: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định ĐT: 02286.288.288

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Số GPMT/Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THƯƠNG THIÊN HOÀNG – NHÀ MÁY GẠCH MEN MIKADO
Số GPMT/Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: Thôn Thanh Tây, xã Đông Lâm, H. Tiền Hải, T. Thái Bình ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Tây, xã Đông Lâm, H. Tiền Hải, T. Thái Bình ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	2	Phá dỡ bóng đèn - chất thải HR
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau có TPNH	x			18 02 01	85	TĐ- tro xỉ HR
3	Dầu mỡ lau máy, bôi trơn thải		x		17 02 04	0	TC, cặn bã TĐ, nước thải HTXLNT

*Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 18H-01188..

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Phạm Ngọc Hoàng.....Ký: Hoàng..... Ngày: 29/4/2025.....

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Thái Bình, ngày 29 tháng 4 năm 2025



(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Nam Định, ngày 12 tháng 5 năm 2025



(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Đức Phú

@Liên số 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú:

HỢP ĐỒNG

Dịch vụ vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

Số: 10004/2024/HDKT/ETC

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành liên quan đến quản lý chất thải và phế liệu.
- Căn cứ vào giấy phép xử lý chất thải nguy hại số 1-2-3-4-5-6.093.VX do Bộ tài nguyên và môi trường cấp ngày 05/7/2021.
- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của các bên.

Hôm nay, ngày 04 tháng 10 năm 2024, tại Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường ETC, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THƯƠNG THIÊN HOÀNG – NHÀ MÁY GẠCH MEN MIKADO

Địa chỉ: Thôn Thanh Tây, Xã Đông Lâm, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

Điện thoại:

Mã số thuế: 0101272578-001

Tài khoản: 4711000014466

Tại ngân hàng: Đầu tư và Phát triển tỉnh Thái Bình

Người đại diện: Ông **Phạm Bách Tùng**

Chức vụ: **Giám đốc**

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG ETC

Địa chỉ: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, Phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định

Điện thoại: 02286.288.288

Mã số thuế: 0600682259

Tài khoản: 0831000068899

Tại ngân hàng Vietcombank Nam Định

Người đại diện: Ông **Trần Đức Phú**

Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Đại diện hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với các nội dung sau đây:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Bên A (Chủ nguồn thải) thuê Bên B (Doanh nghiệp có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại) thực hiện dịch vụ vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh do bên A quản lý đảm bảo đúng quy định của pháp luật về quản lý chất thải.

ĐIỀU 2. GIAO NHẬN VÀ VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI

- Địa điểm giao nhận chất thải: Tại nơi lưu chứa chất thải do bên A quản lý.
- Địa chỉ: Thôn Thanh Tây, Xã Đông Lâm, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình
- Thời gian giao nhận: Theo yêu cầu dịch vụ của Bên A (Nhưng phải phù hợp với các điều khoản trong Hợp đồng). Khi bên A có yêu cầu thực hiện dịch vụ thì sẽ phải thông báo cho Bên B chậm nhất là trước 02 ngày để Bên B bố trí triển khai thực hiện, nội dung yêu cầu dịch vụ phải có số lượng, chủng loại chất thải và những vấn đề phát sinh bất thường khác.

***Điện thoại thường trực khi yêu cầu dịch vụ:**

- **Cán bộ kinh doanh phụ trách Hợp đồng: Mrs Hương: 0982.738.339**

hoặc số điện thoại Hotline của công ty: 02286.288.288.

- Phương tiện vận chuyển: Căn cứ nội dung yêu cầu dịch vụ của bên A, bên B bố trí phương tiện vận chuyển phù hợp, đúng pháp luật.
- Địa điểm xử lý chất thải: Nhà máy xử lý chất thải của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường ETC - địa chỉ: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, P.Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định.

ĐIỀU 3: KHỐI LƯỢNG CHẤT THẢI – ĐƠN GIÁ – GIÁ TRỊ THANH TOÁN

3.1. Khối lượng chất thải để đưa vào tính tổng giá trị hợp đồng là tổng khối lượng chất thải của các đợt giao nhận, mỗi đợt giao nhận thực tế có xác nhận của đại diện hai bên thông qua “Biên bản giao nhận chất thải”

3.2 Đơn giá vận chuyển và xử lý chất thải dưới đây chưa bao gồm thuế VAT theo quy định tại thời điểm xuất hoá đơn:

TT	Danh Mục	Mã CTNH	ĐVT	Khối lượng dự kiến (Kg/năm)	Giá trị hợp đồng (VNĐ)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Kg	≤ 500	12.000.000 (Áp dụng cho tần suất vận chuyển 02 lần/Hợp đồng)
2	Chất hấp thụ, vật liệu, giẻ lau có thành phần nguy hại	18 02 01	Kg		
3	Dầu mỡ lau máy, bôi trơn thải	17 02 04	Kg		

3.3. Giá trị thanh toán:

- Trường hợp khối lượng CTNH hai lần vận chuyển ≤ 500kg thì Bên A sẽ phải thanh toán cho Bên B theo mức phí dịch vụ trọn gói là **12.000.000 đồng** (Chưa bao gồm thuế VAT).
- Trong trường hợp khối lượng CTNH tại hai lần vận chuyển của Bên A > 500kg thì Bên A phải thanh toán cho Bên B theo đơn giá **6.000đ/1 kg** CTNH tăng thêm. (Chưa bao gồm thuế VAT)

3.4 Phương thức thanh toán

- Bên A thanh toán cho bên B 50% giá trị hợp đồng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản số tiền là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng chẵn) ngay sau khi hai bên ký hợp đồng. Số tiền này sẽ được khấu trừ vào lần thanh toán cuối cùng trước khi thanh lý hợp đồng.

- Sau khi bên B nhận đủ số tiền theo hợp đồng Bên B có nghĩa vụ thực hiện việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải vào thời gian dự kiến tại Điều 2 cho Bên A. Bên A có trách nhiệm thanh toán phần giá trị còn lại cho bên B (nếu có phát sinh) trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ thanh toán.

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng.

- Hình thức thanh toán: Tiền mặt/chuyển khoản/đổi trừ công nợ (nếu có).

Hồ sơ thanh toán gồm có:

1. Giấy đề nghị thanh toán của Bên B.

2. Biên bản nghiệm thu khối lượng.

3. Hóa đơn GTGT theo quy định (Hóa đơn phát hành theo thông tin trên Hợp đồng mà Bên A cung cấp cho Bên B).

4. Chứng từ chất thải nguy hại (bản chính).

- Trong trường hợp bên A không phát sinh khối lượng trong thời gian hợp đồng có hiệu lực thì Bên B cũng không phải hoàn lại số tiền đã thanh toán trên.

***Ghi chú:** Quý khách hàng lưu ý: những trường hợp khách hàng không thanh toán qua tài khoản của Công ty môi trường ETC đều phải nhận phiếu thu để ký xác nhận và lưu giữ làm chứng từ thanh toán đối chiếu sau này.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN A

- Trước khi giao cho Bên B, Bên A có trách nhiệm thu gom, phân loại, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định pháp luật đối với Chủ nguồn thải. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về lưu giữ tạm thời và chuyển giao CTNH.

- Bên A tạo điều kiện cho Bên B thực hiện dịch vụ trong phạm vi của Bên A, hỗ trợ bên B bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.

- Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

- Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình vận chuyển và xử lý chất thải của bên B, với điều kiện không được làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B.

- Bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các chất thải không bàn giao cho bên B vận chuyển và xử lý.

- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn giá trị dịch vụ cho Bên B theo đơn giá quy định của hợp đồng.

ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN B

- Bên B bố trí nhân lực, phương tiện đảm bảo yêu cầu thực hiện dịch vụ theo đúng địa điểm, thời gian và tuyệt đối an toàn mà hai bên thỏa thuận.

- Bên B có quyền từ chối nhận CTNH được giao bởi bên thứ 3. Chỉ chịu trách nhiệm xử lý lượng chất thải nguy hại bên A giao cho bên B thể hiện trên biên bản bàn giao được 2 bên lập và ký kết giao nhận.



- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về dịch vụ vận chuyển, xử lý CTNH, nhưng được miễn trừ trách nhiệm đối với những vi phạm phát sinh do bên A thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ trách nhiệm tự phân định, phân loại chất thải.
- Cử đại diện để cùng Bên A phối hợp thực hiện việc giao nhận CTNH, xác nhận khối lượng vào biên bản giao nhận chất thải nguy hại và Chứng từ CTNH đảm bảo việc thu gom thực hiện an toàn, nhanh chóng và đúng yêu cầu của bên A và quy định của pháp luật.
- Tuân thủ quy định và nội quy làm việc trong nhà máy của Bên A.
- Bên B chịu trách nhiệm hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của luật pháp và giao lại chứng từ lưu cho bên A đúng thời hạn.
- Tư vấn cho bên A các vấn đề về pháp lý, kỹ thuật trong việc quản lý chất thải nguy hại đúng theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 6. HIỆU LỰC VÀ SỬA ĐỔI, CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng có hiệu lực 01 năm kể từ ngày ký. Sau khi kết thúc Hợp đồng Hai bên lập Biên bản thanh lý Hợp đồng làm cơ sở chấm dứt quyền, nghĩa vụ phát sinh của các bên liên quan đến Hợp đồng.
- Hợp đồng này và các phụ lục (nếu có) của Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên.
- Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong trường hợp sau:
 - (a) Hợp đồng hết hạn;
 - (b) Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản;
 - (c) Bên B có quyền chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức bằng cách gửi thông báo đến Bên A nếu Bên A không thanh toán phí dịch vụ theo đúng quy định tại Điều 3 trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi nhận được thông báo nhắc nợ của Bên B.

ĐIỀU 7. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được Hai bên giải quyết bằng thương lượng trên cơ sở giải quyết hài hòa, tôn trọng lợi ích của cả Hai bên.
- Trong trường hợp không thể giải quyết được thông qua thương lượng, thì Hai bên sẽ đệ trình tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại đó lên tòa án có thẩm quyền của tỉnh Nam Định để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng buộc Hai bên phải thi hành, bên thua phải chịu toàn bộ các chi phí giải quyết tranh chấp.

ĐIỀU 8. BẤT KHẢ KHÁNG

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được như động đất, sóng thần, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh và các thảm họa khác không lường trước được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.
- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:
 - (a) Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng;

(b) Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

- Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng đúng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

ĐIỀU 9. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG.

- Hai Bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ triển khai Hợp đồng, nếu có vấn đề gì cần giải quyết, hai bên kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai bên.

- Hợp đồng được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

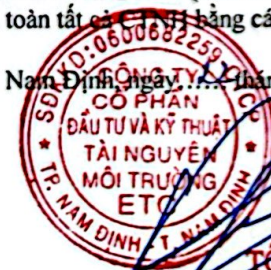
ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Phạm Bách Tùng

ĐẠI DIỆN BÊN B



TỈNH/THÀNH PHỐ TỈNH THÁI BÌNH			CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 1619.../2024/1-2-3-4-5-6.093.VX				
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty CP Đầu tư và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường ETC Số GPMT/Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.093.VX Địa chỉ văn phòng: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định ĐT: 02286.288.288 Địa chỉ cơ sở: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định ĐT: 02286.288.288							
2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Số GPMT/Mã số QLCTNH: Địa chỉ văn phòng: ĐT: Địa chỉ cơ sở: ĐT:							
3. Chủ nguồn thải: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THƯƠNG THIÊN HOÀNG - NHÀ MÁY GẠCH MEN MIKADO Số GPMT/Mã số QLCTNH: Địa chỉ văn phòng: Thôn Thanh Tây, xã Đông Lâm, H. Tiền Hải, T. Thái Bình ĐT: Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Tây, xã Đông Lâm, H. Tiền Hải, T. Thái Bình ĐT:							
4. Khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	5	Phá dỡ bóng đèn - chất thải HR
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau có TPNH	x			18 02 01	80	TD- tro xỉ HR
3	Dầu mỡ lau máy, bôi trơn thải		x		17 02 04	0	TC, cặn bã TD, nước thải HTXLNT
*Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp)							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:..... Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 18C-09444							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: <u>Điền... Trung... Hải</u> Ký: <u>[Chữ ký]</u> Ngày: 05/03/2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Thái Bình, ngày 05 tháng 03 năm 2024  <u>Phạm Thị Bình</u> (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Nam Định, ngày 05 tháng 03 năm 2024  <u>Trần Đức Phú</u> (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
@Liên số 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú:							

MKH:

TỈNH/THÀNH PHỐ TỈNH THÁI BÌNH		CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: <u>6219</u> /2024/1-2-3-4-5-6.093.VX					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty CP Đầu tư và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường ETC Số GPMT/Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.093.VX Địa chỉ văn phòng: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định ĐT: 02286.288.288 Địa chỉ cơ sở: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định ĐT: 02286.288.288							
2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Số GPMT/Mã số QLCTNH: Địa chỉ văn phòng: ĐT: Địa chỉ cơ sở: ĐT:							
3. Chủ nguồn thải: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT THIÊN HOÀNG – NHÀ MÁY GẠCH MEN MIKADO Số GPMT /Mã số QLCTNH: Địa chỉ văn phòng: Thôn Thanh Tây, xã Đông Lâm, H. Tiền Hải, T. Thái Bình ĐT: Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Tây, xã Đông Lâm, H. Tiền Hải, T. Thái Bình ĐT:							
4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	09	Phá dỡ bóng đèn - chất thải HR
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau có TPNH	x			18 02 01	97	TĐ- tro xỉ HR
3	Dầu mỡ lau máy, bôi trơn thải		x		17 02 04		TC, cặn bã TĐ, nước thải HTXLNT
*Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp)							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập:..... Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 18H- 01188							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: <u>Trần Mạnh Hùng</u> Ký: <u>Hùng</u> Ngày: 06/8/2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Thái Bình, ngày 06 tháng 8 năm 2024  <u>Phạm Thế Long</u> (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Nam Định, ngày 06 tháng 8 năm 2024  <u>Trần Đức Phú</u> (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
@Liên số 1□ - 2□ - 3□ - 4□ Ghi chú:							